

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-PT

Ngày: 08-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Nguyễn Thị Tú Vương
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/DSPT ngày 15/8/2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2023/QĐ-PT ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị L, sinh năm: 1975; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1966; địa chỉ: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2022, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết, ngày 28/01/2022 (nhằm ngày 26/12/2021 âm lịch) bà Nguyễn Thị L1 đến nhà bà (Lê Thị L) nói với bà cần tiền đáo hạn ngân hàng vì bà L đang vay tại Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn thị xã Đ đã đến hạn và bà L cho người khác vay để đáo hạn ngân hàng và bà L đặt vấn đề thỏa thuận lãi suất trả cho bà với mức lãi cứ 1.000.000đ mỗi tháng bà L trả lãi 2.000đ/ngày. Bà L vay và viết giấy vay tiền bà số tiền 520.000.000đ, thời hạn đến ngày 31/3/2022 bà L sẽ trả đủ tiền gốc và lãi cho bà, bà đã đưa đủ tiền cho bà L thì tối đó nhà bà L có nhiều người tới để đòi tiền thì bà mới phát hiện bà L đổ nợ và cố lấy tiền của người này để trả tiền cho người khác. Sau đó, bà có lên nhà bà L để đòi lại thì được bà L trả lại tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), còn

500.000.000 đồng bà L nói chờ khi nào người vay tiền của bà L trả thì bà L mới trả cho bà, bà L hẹn đến ngày 31/3/2022 trả hết cho bà nhưng sau đó đến hạn bà L không trả.

Việc bà cho bà L vay số tiền 520.000.000 đồng chồng bà là ông Lê Đức T không có quyền lợi liên quan, là tài sản riêng của bà và chồng bà L cũng không biết, không có nghĩa vụ gì. Nay, bà khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị L1 trả tiền gốc 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi cho bà theo quy định pháp luật.

Theo các lời khai tại Cơ quan Công an thị xã Đông Hoà có tại hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị L1 trình bày: khoảng tháng 8/2021 đến tháng 10/2021, bà L có vay tiền của bà Lê Thị L số tiền 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu đồng) gồm 2 lần, lần đầu bà hỏi vay 300.000.000đ, bà L1 đem tiền đến nhà bà, lần sau vay 220.000.000đ, bà đến nhà bà L1 lấy tiền. Khi vay tiền bà L1, bà có nói vay tiền để cho người khác đáo hạn ngân hàng thì bà L1 đồng ý, không hứa hẹn thời gian trả, chỉ thoả thuận lãi suất, cứ 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì tiền lãi mỗi ngày là 2.000đ (Hai nghìn đồng). Bà đã trả lãi đều đặn cho bà L1 đến ngày 26/12/2021 (Âm lịch) bà không có tiền nên không trả lãi nữa. Đến ngày 03/3/2022, tôi có viết một tờ giấy vay tiền đưa cho bà L1, nội dung giấy vay là bà có vay của bà L1 số tiền 520.000.000đ, hẹn đến ngày 31/3/2022 bà sẽ trả hết nhưng vì những người khác (Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H2) vay tiền của bà không trả nên bà không có tiền để trả cho bà L1 đúng hạn. Việc bà L cho Hồ Minh C, Hồ Thị Minh H1, Lê Thị H2 vay tiền để đáo hạn ngân hàng bà L1 biết vì bà L1 đến nhà bà gặp những người này.

Quá trình toà án thụ lý đã tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Bá A nhưng bà L, ông A không đến toà án, vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày tại toà án, Tòa án nhân dân thị xã Đ không thể tiến hành hòa giải.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thị xã Đ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 92, các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 166, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L vì có căn cứ.

Buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ pháp luật tố tụng quy định. Về nội dung: cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 xét xử vắng mặt người kháng cáo.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn – không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn:

Quá trình TAND thị xã Đ giải quyết vụ án, bị đơn bà L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lời trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Giấy vay tiền ngày 03/3/2022 do nguyên đơn cung cấp có nội dung “*Tôi Nguyễn Thị L1, sinh 1966. Trưa quán thôn Đ, H. Hôm nay ngày 03/3/2022 tôi có vay của bà Lê Thị L số tiền 520.000.000đ (Năm trăm hai mươi triệu) đã trả 20.000.000đ. Lãi suất cứ 1.000.000đ là 2.000đ. Vậy tôi viết giấy này hẹn đến 31/3/2022 sẽ trả hết. Có gì sai tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ký tên Nguyễn Thị L1*” và lời khai nhận của bà Nguyễn Thị L1 tại cơ quan điều tra công an thị xã Đ – bà L thừa nhận có vay của bà L1 số tiền 520.000.000đ, đã trả 20.000.000đ để buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 500.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải chịu phải chịu 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0006964 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) tại Biên lai tạm ứng án phí số 0001947 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ.

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TX Đông Hòa (2);
- CC THADS TX Đông Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trúc Lâm

Mai Tấn Hoàng

Lương Quang

